



zhòng yì

中意

verb · to be to one's liking

Example Sentences

Zhè jiàn yī fu wǒ hěn zhòng yì
这件衣服我很中意。

I really like this piece of clothing.

Tā zhòng yì de nà tào fáng zi yǐ jīng mài diào le
她中意的那套房子已经卖掉了。

The house she liked has already been sold.

Trace each character, then write the word on your own.

中	中	中	中	中	中	中				
意	意	意	意	意	意	意	意	意	意	意
意	意	意	意	意						